

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	MT610037
1.2. Tên học phần:	Quy hoạch môi trường
1.3. Tên tiếng Anh:	Environmental Planning
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 LT + 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Môi trường
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Diệp Thị Thu Thủy
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Lê Duy Khương, TS. Phạm Quý Giang
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần quy hoạch môi trường, người học nắm được các kiến thức cơ bản về quy hoạch môi trường nói chung và quy hoạch môi trường đối với từng ngành/ lĩnh vực cụ thể, đồng thời thành thạo kỹ năng xây dựng luận chứng quy hoạch môi trường và kỹ năng lập quy hoạch môi trường cho một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về quy hoạch môi trường nói chung.

- CO2: Có kiến thức về quy hoạch môi trường đối với các lĩnh vực, ngành kinh tế xã hội.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng phân tích hiện trạng môi trường, kỹ năng xây dựng luận chứng quy hoạch môi trường và kỹ năng lập quy hoạch môi trường cho một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có ý thức trách nhiệm và tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được cơ sở lý luận của quy hoạch môi trường	CO1, CO4
CLO2	Trình bày được các nội dung của hoạch định môi trường tự nhiên, các nội dung của quy hoạch môi trường và quy hoạch phòng ngừa xử lý ô nhiễm môi trường	CO1, CO4
CLO3	Vận dụng được các phương pháp đánh giá trong quy hoạch môi trường	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Trình bày được các nội dung của quy hoạch môi trường đối với các ngành lĩnh vực kinh tế xã hội cụ thể	CO2, CO3, CO4
CLO5	Xây dựng được luận chứng quy hoạch môi trường và kỹ năng lập quy hoạch môi trường cho một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể.	CO2, CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức IMRA, cụ thể như sau: ¹

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1	I	I	I	R	R	I	R	I	I	I	I	

¹I(Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu;

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO2	I	I	R	I	R	R	R	I	R	I	I	
CLO3	I	R	M	R	R	R	R	R	R	R	R	R
CLO4	I	R	M	I	R	R	R	R	M	R	R	R
CLO5	I	R	M	R	R	R	R	R	M	R	R	R
Tổng hợp học phần	I	R	M	R	R	R		R	M	R	R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Vòng, Đỗ Thị Tám, Nguyễn Quang Học và Đỗ Văn Nhạ (2016), *Giáo trình Quy hoạch môi trường*, Nxb. Đại học Nông nghiệp.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*. Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội.

[2]. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015*.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 tuần;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Cơ sở lý luận của quy hoạch môi trường 1.1. Khái quát về quy hoạch môi trường 1.2. Cơ sở khoa học của quy hoạch môi trường	4	Trình bày cơ sở khoa học, đặc điểm, nguyên tắc của quy hoạch môi trường và các phương pháp chủ yếu được sử dụng	CLO1	- Thuyết giảng - Thảo luận - Giao bài tập về nhà (BTVN)

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.3. Đặc điểm, nguyên tắc của quy hoạch môi trường 1.4. Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quy hoạch môi trường		trong quy hoạch môi trường		
2	Chương 2. Hoạch định môi trường tự nhiên 2.1. Khái niệm chung 2.2. Hoạch định môi trường đất đai 2.3. Hoạch định môi trường nước (lục địa) 2.4. Hoạch định môi trường không khí 2.5. Hoạch định môi trường biển, sinh vật biển 2.6. Hoạch định môi trường sinh thái tổng hợp và phân vùng môi trường	4	- Giải thích được các nội dung về hoạch định môi trường đất đai, môi trường nước, môi trường biển, môi trường không khí và môi trường sinh thái tổng hợp	CLO1, CLO2	- Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao BTVN
3-4	Chương 3. Nội dung quy hoạch môi trường 3.1. Điều tra, đánh giá điều kiện môi trường 3.2. Đánh giá tác động môi trường và đánh giá phương án 3.3. Xác định vấn đề và mục tiêu chung về môi trường 3.4. Thiết kế quy hoạch 3.5. Quản lý quy hoạch	6	Giải thích được các nội dung của quy hoạch môi trường: điều tra, đánh giá điều kiện môi trường, đánh giá tác động môi trường, xác định các vấn đề môi trường, thiết kế quy hoạch và quản lý quy hoạch môi trường	CLO1, CLO2	- Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao BTVN
4-5	Chương 4. Phương pháp đánh giá trong quy hoạch môi trường 4.1. Chỉ số môi trường 4.2. Phân tích chi phí- lợi ích 4.3. Đánh giá theo nhiều tiêu chí 4.4. Phương pháp mô hình hóa 4.5. Phương pháp GIS	6	Giải thích được các phương pháp đánh giá sử dụng trong quy hoạch môi trường bao gồm sử dụng các chỉ số môi trường, phân tích chi phí-lợi ích, mô hình hóa và GIS	CLO2, CLO3, CLO4	- Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao BTVN
6	Chương 5. Quy hoạch	4	Giải thích được các	CLO2,	- Kiểm tra bài cũ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	<p>phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường</p> <p>5.1. Định hướng các nội dung phòng ngừa và xử lý môi trường</p> <p>5.2. Quy hoạch phòng ngừa ô nhiễm môi trường</p> <p>5.3. Quy hoạch xử lý ô nhiễm môi trường</p>		nội dung của quy hoạch phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường	CLO3, CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao BTVN
7-8	<p>Chương 6. Quy hoạch môi trường các lĩnh vực kinh tế xã hội</p> <p>6.1. Quy hoạch môi trường nông thôn</p> <p>6.2. Quy hoạch môi trường làng nghề- cụm làng nghề</p> <p>6.3. Quy hoạch môi trường khu công nghiệp</p> <p>6.4. Quy hoạch môi trường du lịch</p> <p>6.5. Quy hoạch môi trường đô thị</p> <p>6.6. Quy hoạch môi trường hạ tầng kinh tế-xã hội</p>	6	Giải thích được các nội dung của quy hoạch môi trường trong từng lĩnh/ngành kinh tế xã hội cụ thể: môi trường nông thôn, môi trường làng nghề và cụm làng nghề, môi trường khu công nghiệp, môi trường du lịch, môi trường đô thị, môi trường hạ tầng kinh tế xã hội	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài cũ - Thuyết giảng - Thảo luận - Giao BTVN
8-9	Thực hành bài 1: Khảo sát, đánh giá thực trạng môi trường tại một địa bàn cụ thể	6	Vận dụng thành thạo kỹ năng khảo sát, đánh giá thực trạng môi trường tại một địa bàn cụ thể	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Hướng dẫn sinh viên khảo sát thực trạng môi trường tại một địa bàn cụ thể
10-12	Thực hành bài 2: Xây dựng luận chứng quy hoạch cho một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể	12	Xây dựng được các luận chứng phục vụ cho quy hoạch môi trường cho một địa bàn hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Hướng dẫn sinh viên xây dựng các luận chứng quy hoạch cho một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể. Sinh viên xây dựng các luận chứng sử dụng máy tính
13-15	Thực hành bài 3: Xây dựng phương án quy hoạch bảo vệ	12	Xây dựng được báo cáo phương án quy	CLO1, CLO2,	Hướng dẫn sinh viên xây dựng

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	môi trường trên một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể - Giao bài tập lớn về nhà (tính điểm kiểm tra định kỳ)		hoạch môi trường cho một địa bàn hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể	CLO3, CLO4, CLO5	phương án quy hoạch cho một địa bàn cụ thể hoặc một ngành/lĩnh vực cụ thể. Sinh viên xây dựng báo cáo quy hoạch môi trường sử dụng máy tính

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Thời gian dự lớp, ý thức dự lớp, ý thức tự học	Thời gian 40%, ý thức dự lớp 30%, ý thức tự học 30%	x		Điểm danh, ghi chú thái độ tham dự lớp, ý thức tự học của từng sinh viên theo buổi học, sau đó chấm điểm.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Xây dựng báo cáo quy hoạch môi trường cho một địa bàn/ một ngành/lĩnh vực cụ thể		x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên làm bài tập lớn được giao về nhà thực hiện trong 2 tuần. nộp sản phẩm kết quả bằng báo cáo đánh máy.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Các kiến thức chung về quy hoạch môi trường - Quy hoạch môi trường các lĩnh vực ngành kinh tế	Câu 1: 50%, Câu 2: 50%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên làm bài thi viết trên giấy

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		xã hội				

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: Thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học, cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ \geq 90% số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ \geq 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Xây dựng báo cáo quy hoạch môi trường cho một địa bàn/một ngành/lĩnh vực cụ thể

- Hình thức: Sinh viên làm bài tập lớn được giao về nhà thực hiện trong 2 tuần. Nộp sản phẩm kết quả bằng báo cáo đánh máy.

- Thời gian: 2 tuần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch môi trường cho một địa bàn/	- Báo cáo trình bày đủ nội dung theo quy định về lập báo cáo quy hoạch môi trường, các	10

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	một ngành/lĩnh vực cụ thể	thông tin trong báo cáo chính xác: 90% (9 điểm). Báo cáo trình bày thiếu nội dung hoặc thông tin thiếu chính xác sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng số điểm. - Báo cáo trình bày rõ ràng, dễ hiểu: 10% (1 điểm)	
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các kiến thức chung về quy hoạch môi trường, quy hoạch môi trường các lĩnh vực ngành kinh tế xã hội.
- Hình thức: Sinh viên làm bài thi trên giấy
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các kiến thức chung về quy hoạch môi trường	- Nội dung đầy đủ: 90% (4,5 điểm). Nội dung thiếu hoặc sai sẽ bị trừ theo phần trăm so với tổng điểm - Hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu: 10% (0,5 điểm)	5
2	Quy hoạch môi trường các lĩnh vực ngành kinh tế xã hội	- Nội dung đầy đủ: 90% (4,5 điểm). Nội dung thiếu hoặc sai sẽ bị trừ theo phần trăm so với tổng điểm - Hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu: 10% (0,5 điểm)	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Trưởng khoa



Lê Duy Khương

Người biên soạn



Diệp Thị Thu Thủy